

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: *MB* /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Về tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm 2021

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xin báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm 2021 như sau:

1. Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm báo cáo (kèm theo phụ lục).

1.1. Dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán trong năm.

Tổng số dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trong năm là 1.570 dự án với tổng giá trị đề nghị quyết toán là 4.971.550 triệu đồng, tổng giá trị quyết toán được duyệt là 4.939.313 triệu đồng, tổng vốn đã giải ngân 4.828.530 triệu đồng, vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt 16.145 triệu đồng (trong đó: ngân sách Trung ương 405 triệu đồng). Phân theo cấp quản lý:

- Số dự án do cấp tỉnh phê duyệt là 115 dự án, với giá trị đề nghị quyết toán là 3.003.751 triệu đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 2.980.006 triệu đồng, vốn đã giải ngân 2.962.940 triệu đồng, vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt 9.756 triệu đồng

- Số dự án do cấp huyện phê duyệt 1.455 dự án, với giá trị đề nghị quyết toán là 1.967.799 triệu đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 1.959.307 triệu đồng, vốn đã giải ngân 1.865.590 triệu đồng, vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt 6.389 triệu đồng (trong đó: ngân sách Trung ương 405 triệu đồng).

1.2. Số dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán.



Tổng số dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán là 158 dự án, với tổng giá trị đề nghị quyết toán là 1.778.738 triệu đồng, tổng vốn đã giải ngân 1.752.481 triệu đồng, vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị đề nghị quyết toán 4.389 triệu đồng. Phân theo cấp quản lý:

- Số dự án do cấp tỉnh phê duyệt là 20 dự án, với giá trị đề nghị quyết toán là 1.219.922 triệu đồng, vốn đã giải ngân 1.205.024 triệu đồng, vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị đề nghị quyết toán 2.915 triệu đồng.

- Số dự án do cấp huyện phê duyệt 138 dự án, với giá trị đề nghị quyết toán là 558.817 triệu đồng, vốn đã giải ngân 547.457 triệu đồng, vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị đề nghị quyết toán 1.474 triệu đồng.

1.3. Dự án đã hoàn thành chưa nộp hồ sơ quyết toán.

Tổng số dự án hoàn thành chưa nộp hồ sơ quyết toán là 388 dự án với tổng giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu là 1.209.437 triệu đồng, tổng vốn đã giải ngân 1.030.851 triệu đồng, vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu 6.020 triệu đồng. Phân theo cấp quản lý:

- Số dự án do cấp tỉnh phê duyệt là 32 dự án, với giá trị giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu là 616.951 triệu đồng, vốn đã giải ngân 496.525 triệu đồng, vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu 2.384 triệu đồng.

- Số dự án do cấp huyện phê duyệt 356 dự án, với giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu 592.486 triệu đồng, vốn đã giải ngân 534.326 triệu đồng, vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu 3.636 triệu đồng.

1.4. Số dự án vi phạm về thời gian quyết toán.

Tổng số dự án vi phạm về thời gian quyết toán là 162 dự án với tổng giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu là 244.007 triệu đồng, tổng vốn đã giải ngân 239.626 triệu đồng, vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu 1.548 triệu đồng. Phân theo cấp quản lý:

- Số dự án do cấp tỉnh phê duyệt là 01 dự án, với giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu là 18.227 triệu đồng, vốn đã giải ngân 18.227 triệu đồng.

- Số dự án do cấp huyện phê duyệt 161 dự án, với giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu 225.780 triệu đồng, vốn đã giải ngân 221.399 triệu đồng, vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu 1.548 triệu đồng (vốn ngân sách Trung ương).

Nhận xét, đánh giá: công tác quyết toán dự án hoàn thành năm 2021 nhìn chung đã được các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án, các địa phương thực hiện tốt, chú trọng việc lập và nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành đúng thời gian quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số địa phương chưa thực hiện tốt công tác quyết toán dự án hoàn thành mặc dù Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành nhưng đến nay trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều dự án vi phạm quy định về thời gian quyết toán, làm ảnh hưởng đến công tác quản lý vốn đầu tư, chưa tất toán được tài khoản của dự án...

2. Tồn tại vướng mắc trong công tác quyết toán dự án hoàn thành

Một số cơ quan, chủ đầu tư thiếu sự quan tâm, chỉ đạo, kiểm tra giám sát thường xuyên của người đứng đầu trong công tác quyết toán dự án hoàn thành.

Năng lực của một số chủ đầu tư còn hạn chế, chưa thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, còn thiếu trách nhiệm, chưa quan tâm đúng mức đối với công tác quyết toán dự án hoàn thành, việc phân công và phối hợp với các đơn vị có liên quan tập trung xử lý dứt điểm các tồn tại quyết toán dự án hoàn thành chưa được thực hiện một cách triệt để, dẫn đến một số công trình không hoàn thiện được hồ sơ quyết toán...

Một số cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư có thay đổi về cơ cấu tổ chức, thay đổi bộ máy quản lý (sáp nhập, giải thể...), luân chuyển cán bộ nhưng các tổ chức, cá nhân tiếp nhận hoặc thừa kế công việc không tích cực thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

Một số công trình chủ đầu tư đã tạm ứng vốn cho nhà thầu lớn hơn số vốn được thanh toán nên còn trường hợp nhà thầu chưa quan tâm, phối hợp với các chủ đầu tư để thực hiện quyết toán dự án hoàn thành.

Vẫn còn một số địa phương chưa xem xét kỹ năng lực quản lý điều hành dự án của các xã mà giao cho UBND cấp xã làm chủ đầu tư và trực tiếp quản lý dự án trong khi bộ phận chuyên môn của xã không đủ điều kiện, năng lực để trực

tiếp quản lý dự án, vì vậy khi công trình hoàn thành không lập được hồ sơ quyết toán theo quy định dẫn đến tồn đọng, trễ hạn.

3. Đề xuất và kiến nghị về công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét cho địa phương được vận dụng các Công văn của Bộ Tài chính: Công văn số 4819/BTC-TC-ĐT ngày 08 tháng 4 năm 2016 về việc xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng các dự án hoàn thành từ năm 2005 đến năm 2014; Công văn số 13496/BTC-TC-ĐT ngày 09/10/2017 về việc xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán các dự án hoàn thành từ năm 2005 đến năm 2014 do không đủ hồ sơ quyết toán, để địa phương xử lý dứt điểm một số hồ sơ còn tồn đọng trễ hạn do không đủ hồ sơ quyết toán theo quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm 2021, UBND tỉnh Kiên Giang xin báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nkguyen.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)



Nguyễn Thanh Nhàn

Phụ lục
TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số *MC* /BC-UBND ngày *08* tháng *A* năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Mẫu số 12/QTDA

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số Dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số Dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của Dự án		Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương		Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương
1	2	3=4+12	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Tổng số dự án hoàn thành (I+II+III)	2.116	1.954	15.593.119	4.995.189	7.715.718	4.932.245	7.372.236	25.006	667	162	289.853	6.861	244.007	7.068	239.626	1.548	1.548
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán (a+b)	1.570	1.568	12.387.890	3.888.944	4.964.428	4.932.245	4.821.486	16.145	405	2	7.301	-	7.122	7.068	7.044	-	-
a	Cấp tỉnh (1+2)	115	115	10.137.500	3.830.308	3.003.751	2.980.006	2.962.940	9.756	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Dự án hoàn thành các năm trước	45	45	1.993.272	384.047	788.197	783.799	769.431	294	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Sở Giao thông vận tải	21	21	117.444	11.793	104.363	103.212	103.206	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15	15	196.516	96.355	83.836	83.523	83.278	288	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.3	Trường CĐ Sư phạm Kiên Giang	1	1	43.035	-	9.318	9.170	9.170	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.4	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	1	1	835.848	-	14.290	14.272	14.272	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Xí nghiệp Bến tàu xe Kiên Giang	1	1	782	-	664	632	632	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Sở Thông tin và Truyền thông	1	1	673	-	636	607	607	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Cty MTV Cấp thoát nước KG	1	1	296.725	-	268.660	268.923	268.923	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	UBND huyện An Minh	1	1	172.220	75.899	158.416	158.083	158.083	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Sở Công Thương	1	1	1.629	-	1.447	1.439	1.439	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	UBND TP. Hà Tiên	1	1	200.000	200.000	144.813	142.181	128.068	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.11	UBND huyện Hòn Đất	1	1	128.400	-	1.754	1.757	1.753	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo	70	70	8.144.229	3.446.261	2.215.554	2.196.207	2.193.508	9.462	-	-	-	-	-	-	-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN

Số TT	Nội dung	Tổng số Dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số Dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của Dự án		Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương		Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương
1	2	3=4+12	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2.1	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh	29	29	6.005.291	2.296.713	1.514.101	1.501.987	1.494.257	7.883	-								
2.2	Sở Giao thông vận tải	3	3	108.892	-	97.970	95.877	95.238	650									
2.3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	29	29	1.906.275	1.149.548	511.672	507.186	512.857	929									
2.4	Công an tỉnh Kiên Giang	2	2	45.143	-	43.709	43.616	43.616	-									
2.5	Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang	1	1	999	-	965	965	965										
2.6	Sở Ngoại vụ	2	2	11.889	-	10.580	10.445	10.445										
2.7	Văn phòng Tỉnh ủy	4	4	65.740	-	36.557	36.131	36.131										
b	Cấp huyện (1+2)	1.455	1.453	2.250.390	58.636	1.960.677	1.952.239	1.858.546	6.389	405	2	7.301	-	7.122	7.068	7.044	-	-
1	Dự án hoàn thành các năm trước	857	857	1.503.239	32.955	1.221.345	1.216.343	1.192.744	6.305	405								
1.1	Huyện An Minh	8	8	21.556	-	19.651	19.597	19.597	0	0								
1.2	Huyện An Biên	54	54	88.728	6.624	80.587	80.179	80.179	0	0								
1.3	Huyện Vĩnh Thuận	38	38	119.653	-	99.851	99.084	98.969	0	0								
1.4	Huyện Châu Thành	30	30	65.070	0	59.873	59.873	58.324	0	0								
1.5	Huyện Gò Quao	0	0	0	0	0	0	0	0	0								
1.6	Thành phố Rạch Giá	45	45	144.837	0	117.700	117.226	109.060	0	0								
1.7	Huyện Tân Hiệp	211	211	143.832	0	126.160	124.925	124.886	0	0								
1.8	Huyện Hòn Đất	0	0	0	0	0	0	0	0	0								
1.9	Huyện Kiên Lương	0	0	0	0	0	0	0	0	0								
1.10	Huyện Giang Thành	50	50	81.572	0	69.798	69.384	69.384	0	0								
1.11	Huyện Kiên Hải	33	33	45.808	0	43.392	43.302	43.302	0	0								
1.12	Thành phố Phú Quốc	15	15	439.720	0	289.457	288.971	288.198	773	0								
1.13	Thành phố Hà Tiên	20	20	32.728	0	27.968	27.892	22.287	0	0								

Số TT	Nội dung	Tổng số Dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số Dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của Dự án		Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương		Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương
1	2	3= 4 + 12	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Thẩm tra	12	12	1.139.783	456.448	1.010.795	-	996.024	2.915									
1	Sở Giao thông vận tải	8	8	753.760	157.594	637.703	-	634.787	2.915									
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	3	373.577	298.854	362.439	-	361.237	-									
3	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	1	1	12.446	-	10.652	-	-	-									
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo	8	8	236.050	230.000	209.127	-	209.000	0									
	Phê duyệt																	
	Thẩm tra	8	8	236.050	230.000	209.127	-	209.000	0									
1	Sở Giao thông vận tải	1	1	230.000	230.000	203.427	0	204.000	0									
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7	7	6.050	-	5.700	-	5.000	-									
b	Cấp huyện (1+2)	138	138	681.510	8.431	558.817	-	547.457	1.474									
	Phê duyệt	5	5	2.979	-	2.310	-	2.014	-									
	Thẩm tra	133	133	678.531	8.431	556.506	-	545.443	1.474									
1	Dự án hoàn thành các năm trước	104	104	555.919	8.431	450.064	-	446.660	1.182									
	Phê duyệt																	
	Thẩm tra	104	104	555.919	8.431	450.064	-	446.660	1.182									
1.1	Huyện An Biên	3	3	1.439	-	539	-	126	-									
1.2	Huyện Tân Hiệp	19	19	12.701	-	11.247	-	10.850	-									
1.3	Thành phố Phú Quốc	15	15	504.106	-	394.214	-	393.032	1.182									
1.4	Huyện U Minh Thượng	67	67	37.673	8.431	44.064	-	42.652	-									
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo	34	34	125.591	-	108.753	-	100.797	292									
	Phê duyệt	5	5	2.979	-	2.310	-	2.014										

11/11/2017

Số TT	Nội dung	Tổng số Dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số Dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của Dự án		Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương		Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách Trung ương
1	2	3= 4 + 12	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh	29	29	6.005.291	2.296.713	1.514.101	1.501.987	1.494.257	7.883	-								
2	Sở Giao thông vận tải	24	24	226.336	11.793	202.333	199.089	198.444	656									
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	44	44	2.102.790	1.245.903	595.508	590.709	596.135	1.217									
4	Công an tỉnh Kiên Giang	2	2	45.143	-	43.709	43.616	43.616	-									
5	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	1	1	835.848	-	14.290	14.272	14.272	-									
6	Văn phòng UBND tỉnh	1	1	999	-	965	965	965	-									
7	Sở Ngoại vụ	2	2	11.889	-	10.580	10.445	10.445	-									
8	Văn phòng Tỉnh ủy	4	4	65.740	-	36.557	36.131	36.131	-									
9	Xí nghiệp Bến tàu xe Kiên Giang	1	1	782	-	664	632	632	-									
10	Sở thông tin và truyền thông	1	1	673	-	636	607	607	-									
11	Cty MTV Cấp thoát nước KG	1	1	296.725	-	268.660	268.923	268.923	-									
12	UBND huyện An Minh	1	1	172.220	75.899	158.416	158.083	158.083	-									
13	Sở Công Thương	1	1	1.629	-	1.447	1.439	1.439	-									
14	UBND TP. Hà Tiên	1	1	200.000	200.000	144.813	142.181	128.068	-	-								
15	UBND huyện Hòn Đất	1	1	128.400	-	1.754	1.757	1.753	-									
16	Trường CĐ Sư phạm Kiên Giang	1	1	43.035	-	9.318	9.170	9.170	-									
b	Thăm tra	20	20	1.375.833	686.448	1.219.922	-	1.205.024	2.915	-								
1	Sở Giao thông vận tải	9	9	983.760	387.594	841.130	-	838.787	2.915									
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10	10	379.627	298.854	368.139	-	366.237	-									
3	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	1	1	12.446	-	10.652	-	-	-									
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán	32	31	728.441	404.584	598.724	-	478.298	2.384	-	1	18.370	-	18.227	-	18.227	-	-
1	Sở Giao thông vận tải	20	19	268.391	157.323	220.653	0	221.050	794	0	1	18.370	0	18.227	0	18.227	-	-

